

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ
từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo
trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh,
giai đoạn 2026 - 2031**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được
sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi
mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp
sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng
lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;*

*Xét Tờ trình số 2645/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của
Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí,
điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với
các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh
Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031 quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân trong nước (sau đây gọi là đối tượng) thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ được thực hiện sau đầu tư.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng nội dung, tiêu chí, điều kiện và mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

3. Các nội dung, mức hỗ trợ do đối tượng kê khai phải đồng bộ với việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thuế. Trong trường hợp đối tượng kê khai là cá nhân, việc xác định nội dung và mức hỗ trợ căn cứ trên chi phí thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Mỗi dự án chỉ được hưởng hỗ trợ một lần đối với cùng một nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ đáp ứng điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ thì chỉ được áp dụng một chính sách hỗ trợ.

5. Việc hỗ trợ được thực hiện trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chí, điều kiện hỗ trợ

1. Tiêu chí

Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ theo Nghị quyết này phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Đối với đối tượng: cá nhân phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; tổ chức, doanh nghiệp phải được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Đối với dự án: có khả năng tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình mới; khả năng tăng trưởng doanh thu từ việc triển khai dự án đạt tối thiểu 20% trong 02

năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển sản phẩm, dịch vụ và khả năng cạnh tranh; đồng thời có khả năng tác động tích cực đến năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Đối với nhân sự cho dự án: Đội ngũ nhân sự thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; có đội ngũ chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo hoặc đối tác hỗ trợ về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản trị, tiếp thị, kết nối đầu tư.

2. Điều kiện

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

b) Dự án triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Có hồ sơ đề nghị hỗ trợ hợp lệ theo quy định: đề xuất đầy đủ, rõ ràng, xác định cụ thể mục tiêu, nội dung, phương án triển khai, kết quả đầu ra dự kiến, kế hoạch tài chính và cơ cấu nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng nếu có).

d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

đ) Có cam kết bằng văn bản về việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tuân thủ pháp luật.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Hỗ trợ 50% học phí tham gia các khóa đào tạo cấp chứng nhận của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số của dự án, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

2. Thu hút nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Hỗ trợ 50% chi phí trả lương, tối đa không quá 120 triệu đồng/dự án.

3. Nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 50% chi phí thuê cơ sở vật chất thực tế, tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

4. Tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn khởi nghiệp, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng, tối đa không quá 600 triệu đồng/dự án.

Điều 6. Trình tự và thủ tục xét duyệt hỗ trợ

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân đáp ứng tiêu chí, điều kiện tại Điều 4, có nhu cầu, gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho dự án về cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao nhiệm vụ.

2. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xem xét, phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm đối tượng hưởng chính sách

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ, báo cáo, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả chính sách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của hồ sơ, tài liệu, thông tin kê khai và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

3. Đối tượng đã nhận hỗ trợ nhưng kê khai không trung thực, không đáp ứng tiêu chí, điều kiện hỗ trợ thì phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ ngân sách tỉnh (dự toán hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và nội dung chính sách; chịu trách nhiệm toàn diện trong việc chỉ đạo: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, thẩm định, thẩm tra, tổ chức thực hiện bảo đảm đúng quy trình theo quy định; kiểm soát chặt chẽ bảo đảm quản lý rủi ro chính sách, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi, thất thoát ngân sách nhà nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Trịnh Thị Minh Thanh